

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ 9

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

1. Nội dung kiến thức trọng tâm: Bài 4, 5, 6

2. Câu hỏi tham khảo

Bài 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), những quốc gia nào sau đây đóng vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít?

- | | |
|---------------------------|------------------------------|
| A. Anh, Pháp, Mỹ. | B. Anh, Trung Quốc, Liên Xô. |
| C. Anh, Pháp, Trung Quốc. | D. Liên Xô, Mỹ, Anh. |

Câu 2. Sự kiện nào đánh dấu Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc ở châu Âu?

- A. Phát xít Đức kí văn bản đầu hàng không điều kiện (9/5/1945).
 B. Phát xít Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện (15/8/1945).
 C. Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống hai thành phố của Nhật Bản.
 D. Liên Xô đánh bại đạo quân chủ lực của Nhật Bản ở Đông Bắc Trung Quốc.

Câu 3. Vì sao trước khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (tháng 9/1939), các nước đế quốc Anh, Pháp, thực hiện chính sách nhượng bộ với phe phát xít?

- A. Vì muốn đẩy chiến tranh về phía Liên Xô.
 B. Vì chuẩn bị cho việc thành lập phe Đồng minh.
 C. Vì muốn ngăn chặn Đức tấn công Ba Lan.
 D. Vì muốn khuyến khích Nhật gây chiến tranh ở châu Á.

Câu 4. Sự kiện buộc Mỹ phải chấm dứt chính sách trung lập và tham gia Chiến tranh thế giới thứ hai là:

- A. Phát xít Đức tấn công Liên Xô.
 B. Liên quân Anh - Mỹ giành thắng lợi ở chiến trường châu Âu.
 C. Chiến thắng của Hồng quân Liên Xô ở Xtalingrát.
 D. Nhật Bản bất ngờ tập kích căn cứ của Mỹ ở Trân Châu Cảng.

Câu 5. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự bùng nổ của Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) là gì?

- A. Thái độ thỏa hiệp, nhượng bộ chủ nghĩa phát xít của các nước Anh, Pháp, Mỹ.
 B. Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thị trường, thuộc địa.
 C. Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933).
 D. Thái độ thù ghét chủ nghĩa cộng sản của các nước đế quốc.

Câu 6. Nội dung nào dưới đây phản ánh **không** đúng về Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)?

- A. Chiến tranh kết thúc mở ra thời kì phát triển mới của lịch sử thế giới.
 B. Liên Xô giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
 C. Là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất trong lịch sử nhân loại.
 D. Chiến tranh kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của phe Đồng minh.

Câu 7. Đâu không phải là nguyên nhân chính dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai 1939 – 1945?

- A. Đức muốn làm bá chủ Châu Âu và thống trị thế giới.
 B. Sự xuất hiện chủ nghĩa Phát xít.
 C. Chính sách thỏa hiệp, nhượng bộ phát xít của các nước (Anh, Pháp, Mỹ).
 D. Do hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933).

Câu 8. Tháng 1/1942, mặt trận Đồng minh thành lập nhằm mục đích gì?

- A. Chống lại sự tấn công của phát xít Đức ở châu Âu.
- B. Trả thù sự tấn công của Nhật vào hạm đội Mỹ.
- C. Đoàn kết và tập hợp các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới để tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
- D. Liên kết giữa khối phát xít và khối các nước đế quốc để chống Liên Xô.

Câu 9. Nội dung nào dưới đây **không phải** sự kiện tác động đến phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1918 – 1930?

- A. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918).
- B. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga (1917).
- C. Sự ra đời của Quốc tế cộng sản (1919).
- D. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930).

Câu 10. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu phong trào công nhân Việt Nam bước đầu chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh tự giác?

- A. Cuộc đấu tranh của thủy thủ trên tàu Sác-nô ở Hải Phòng (1919).
- B. Cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm ở Sài Gòn – Chợ Lớn (1920).
- C. Cuộc đấu tranh của công nhân Bắc Kỳ đòi nghỉ chủ nhật có lương (1923).
- D. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son (Sài Gòn) (1925).

Câu 11. Phong trào công nhân trong giai đoạn 1926 – 1929 có điểm nào khác so với giai đoạn 1919 – 1925?

- A. Số lượng các cuộc bãi công không nhiều nhưng quy mô lớn, tính chất quyết liệt làm cho tư bản và chính quyền thực dân phong kiến điêu đứng.
- B. Các cuộc đấu tranh mang tính chất chính trị rõ nét, bắt đầu có sự liên kết được nhiều ngành, nhiều địa phương.
- C. Giai cấp công nhân trở thành lực lượng chính trị độc lập, phong trào công nhân đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng Cộng sản.
- D. Phong trào công nhân hoàn toàn chuyển sang tự giác đưa giai cấp công nhân trở thành lực lượng chính trị độc lập.

Câu 12. Hình thức đấu tranh nào dưới đây **không phải** của giai cấp tiểu tư sản trong giai đoạn 1918 – 1930?

- A. Mở các nhà xuất bản tiến bộ: Cường học thư xã, Nam Đồng thư xã, ...
- B. Ra báo bằng tiếng Pháp và tiếng Việt như: *Chuông rạn*, *An Nam trẻ*, ...
- C. Phát động khởi nghĩa vũ trang ở Yên Bái, Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình ...
- D. Thành lập tổ chức chính trị: Thanh niên cao vọng Đảng, Hội Phục Việt, Đảng Thanh niên.

Câu 13. Nội dung nào dưới đây phản ánh **không đúng** những hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên?

- A. Mở các lớp huấn luyện cán bộ.
- B. Ra tờ báo *Thanh niên*.
- C. Phát động phong trào “vô sản hóa”.
- D. Thực hiện phong trào đưa dân biểu.

Câu 14. Năm 1928, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên có chủ trương gì?

- A. Vô sản hóa.
- B. Tư sản hóa.
- C. Tăng cường kỉ luật.
- D. Mở rộng cơ sở.

Câu 15. Những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc để đào tạo cán bộ cách mạng ở Trung Quốc (trong những năm từ 1925 – 1927) đã được tập hợp và in thành tác phẩm nào sau đây?

- A. Bản án chế độ thực dân Pháp.
- B. Yêu sách của nhân dân An Nam.
- C. Vi hành.
- D. Đường Kách mệnh.

Câu 16. Vì sao cuộc đấu tranh của thợ máy Ba Son (8/1925) được coi là mốc đánh dấu bước ngoặt của phong trào công nhân Việt Nam?

- A. Vì có mục tiêu kinh tế, có quy mô rộng lớn.
- B. Vì có quy mô rộng lớn, tinh thần đấu tranh quyết liệt.
- C. Vì có mục tiêu kinh tế và chính trị rõ ràng, thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế.
- D. Vì có tổ chức, buộc Pháp phải nhượng bộ một số quyền lợi về kinh tế.

Câu 17. Đặc điểm của phong trào công nhân giai đoạn 1919 – 1925 là gì?

- A. Phong trào thể hiện ý thức chính trị.
- B. Phong trào đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế.
- C. Phong trào chủ yếu đòi quyền lợi kinh tế và chính trị, tự giác.
- D. Phong trào chủ yếu đòi quyền lợi kinh tế, mang tính tự phát.

Câu 18. Tổ chức cách mạng hoạt động rất tích cực, chi phối mạnh mẽ sự phát triển của phong trào công nhân trong nước ở giai đoạn 1918 – 1930 là:

- A. Tâm tâm xã.
- B. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- C. Tân Việt Cách mạng đảng.
- D. Việt Nam Quốc dân đảng.

Câu 19. Ý nào dưới đây **không phải** là hoạt động chính của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên?

- A. Mở nhiều lớp huấn luyện cán bộ, giảng dạy lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc.
- B. Viết sách, báo truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin về Việt Nam.
- C. Xây dựng tổ chức cơ sở ở trong và ngoài nước.
- D. Tổ chức các cuộc đấu tranh của học sinh, tiểu thương và công nhân.

Câu 20. Đảng Cộng sản Việt Nam được hợp nhất từ các tổ chức cộng sản nào?

- A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam cộng sản Đảng.
- B. An Nam Cộng sản Đảng, Tân Việt Cách mạng Đảng, Việt Nam Quốc dân Đảng.
- C. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- D. Tân Việt Cách mạng Đảng, Đông Dương Cộng sản đảng, Việt Nam Quốc dân đảng

Câu 21. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng thống nhất (1930) được tổ chức ở đâu?

- A. Hương Cảng (Trung Quốc).
- B. Tân Trào (Việt Nam).
- C. Quảng Châu (Trung Quốc).
- D. Pác Bó (Việt Nam).

Câu 22. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm các văn kiện nào?

- A. Luận cương chính trị, Điều lệ vắn tắt.
- B. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt.
- C. Luận cương chính trị, Chính cương vắn tắt.
- D. Chính cương vắn tắt, Điều lệ vắn tắt.

Câu 23. Trong phong trào dân chủ 1936 - 1939, Đảng phát động phong trào Đông Dương đại hội với mục đích nào sau đây?

- A. Đón tiếp phái viên Chính phủ Pháp.
- B. Tổ chức đấu tranh nghị trường.
- C. Thu thập nguyện vọng của nhân dân.
- D. Đấu tranh đòi ban hành Hiến pháp mới.

Câu 24. Điểm khác biệt cơ bản trong chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng của Đảng những năm 1936 - 1939 so với phong trào cách mạng 1930 - 1931 là:

- A. đoàn kết giữa ba nước Đông Dương.
- B. đoàn kết với vô sản thế giới.
- C. thành lập mặt trận thống nhất.
- D. hình thành khối liên minh công - nông.

Câu 25. Phong trào cách mạng 1936 - 1939 ở Đông Dương **không** xuất hiện hình thức đấu tranh nào sau đây?

- A. Khởi nghĩa từng phần.
- B. Bãi công, bãi thị.
- C. Đưa dân nguyện.
- D. Mít tinh, biểu tình.

Câu 26. Cuộc đấu tranh nào sau đây diễn ra trong phong trào dân chủ ở Việt Nam giai đoạn 1936 - 1939?

- A. Bãi công của công nhân Xưởng đóng tàu Ba Son ở Sài Gòn.
- B. Mít tinh của 2,5 vạn người tại khu Đấu Xảo ở Hà Nội.
- C. Khởi nghĩa vũ trang của văn thân, sĩ phu yêu nước.
- D. Đấu tranh của 20 nghìn nông dân huyện Thanh Chương ở Nghệ An.

Câu 27. Chủ trương chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng bắt đầu được đề ra trong hội nghị nào?

- A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (tháng 11/1939).
- B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (tháng 11/1940).
- C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 (tháng 05/1941).
- D. Hội nghị toàn quốc của Đảng (tháng 08/1945).

Câu 28. Sự kiện quốc tế nào sau đây đã tạo điều kiện khách quan cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 tại Việt Nam?

- A. Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản.
- B. Hồng quân Liên Xô đánh bại quân Quan Đông của Nhật Bản.
- C. Phát xít Đức tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện.
- D. Nhật Bản tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện.

Bài 2. Câu trắc nghiệm đúng, sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau và chọn **đúng** hoặc **sai** trong mỗi ý a, b, c, d.

“... Luận cương của Lê-nin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao. Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta! Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba”.

(Hồ Chí Minh, *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Mác-Lê-nin*, trích trong Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 12, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.562)

- a. Đoạn tư liệu thể hiện cảm xúc của Nguyễn Ái Quốc khi đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin.
- b. Việc Nguyễn Ái Quốc “hoàn toàn tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba” đã mở ra cơ hội mới trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước.
- c. Đoạn tư liệu cho thấy Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản.
- d. Đoạn tư liệu thể hiện niềm tin của Nguyễn Ái Quốc vào sứ mệnh lãnh đạo cách mạng của Quốc tế thứ ba.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau và chọn **đúng** hoặc **sai** trong mỗi ý a, b, c, d.

“Đảng Cộng sản Việt Nam là kết quả của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng cách mạng tiên tiến của thời đại với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Sự ra đời của Đảng chứng tỏ giai cấp công nhân nước ta đã trưởng thành và đủ khả năng đảm nhiệm vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Từ đây giai cấp công nhân thực sự trở thành một lực lượng chính trị độc lập, thống nhất trong cả nước. Thông qua chính đảng của mình, giai cấp công nhân có sứ mệnh lãnh đạo toàn thể dân tộc và nhân dân vượt qua mọi thác ghềnh hiểm trở để đưa con thuyền cách mạng Việt Nam cập bến vinh quang”.

(Đinh Xuân Lâm chủ biên, *Đại cương lịch sử Việt Nam tập II*, Nxb Giáo dục, 2000, tr.285, 286)

- a. Đoạn tư liệu khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp nhuần nhuyễn của ba yếu tố: Chủ nghĩa Mác-Lênin, Phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
- b. Giai cấp công nhân Việt Nam là lực lượng lãnh đạo đưa cách mạng nước ta đến thắng lợi cuối cùng.
- c. Đảng Cộng sản Việt Nam là chính đảng của mọi giai cấp trong xã hội.
- d. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trở thành một lực lượng chính trị độc lập, thống nhất cả trong nước và ở nước ngoài.

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

1. Nội dung kiến thức trọng tâm: Bài 6,8,9

2. Câu hỏi tham khảo

Bài 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Ý nào dưới đây **không** phải là đặc điểm phân bố của ngành công nghiệp sản xuất chế biến thực phẩm và sản xuất đồ uống?

- A. Gần với nơi tập trung nguồn lao động có trình độ cao.
- B. Phân bố rộng khắp cả nước.
- C. Phát triển mạnh ở các đô thị lớn.
- D. Gần với vùng nguyên liệu.

Câu 2. Nhận định nào sau đây đúng về đặc điểm ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta?

- A. Ngành có hàm lượng công nghệ chưa cao.
- B. Đem lại giá trị kinh tế cao.

C. Sản lượng các sản phẩm của ngành tăng chậm.

D. Cơ cấu ngành đơn giản.

Câu 3. Cơ cấu sản lượng điện ở nước ta hiện nay không bao gồm nguồn điện nào?

A. Thủy điện.

B. Nhiệt điện.

C. Năng lượng tái tạo.

D. Điện nguyên tử.

Câu 4. Trong những thập kỉ gần đây, cơ cấu sản xuất điện ở nước ta có sự thay đổi như thế nào?

A. Tăng tỉ trọng sản lượng điện sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo.

B. Giảm tỉ trọng sản lượng điện sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo.

C. Tăng tỉ trọng sản lượng thủy điện.

D. Giảm tỉ trọng sản lượng nhiệt điện.

Câu 5. Các ngành công nghiệp dệt, may, giày, dép, lắp ráp thường phân bố gần các địa phương có đặc điểm nào sau đây?

A. Nguồn nguyên liệu dồi dào.

B. Nguồn nước dồi dào.

C. Dân cư và nguồn lao động dồi dào.

D. Cảng biển, kho bãi.

Câu 6. Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính phát triển tập trung nhiều nhất ở các vùng nào?

A. Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.

C. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 7. Các sản phẩm chính của ngành sản xuất điện tử, máy vi tính ở nước ta là:

A. máy tính, ti vi, điện thoại, điều hòa...

B. máy tính, tủ lạnh, xe máy....

C. máy tính, linh kiện điện tử, máy cơ khí

D. ô tô, tủ lạnh, điều hòa....

Câu 8. Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm và sản xuất đồ uống là gì?

A. Ngành mới phát triển trong những năm gần đây.

B. Sản phẩm đa dạng đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

C. Chỉ tập trung ở Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng và ĐB sông Cửu Long

D. Các sản phẩm của ngành đa dạng: gạo xay sát, sữa tươi, rau củ quả tươi sống...

Câu 9. Trong các nhân tố tự nhiên dưới đây, nhân tố nào có ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố công nghiệp?

A. Đất.

B. Khoáng sản.

C. Nước.

D. Sinh vật.

Câu 10. Vị trí nằm gần trung tâm khu vực Đông Nam Á **không** tạo thuận lợi cho công nghiệp nước ta về:

A. giao lưu trong sản xuất.

C. trao đổi các sản phẩm.

B. nhập nguyên, nhiên liệu.

D. phát triển nhiều ngành.

Câu 11. Giá trị của sông ngòi nước ta đối với công nghiệp là:

A. điều kiện để phát triển thủy điện.

B. cơ sở để phát triển nước khoáng.

C. đường vận tải nguồn nguyên liệu.

D. địa điểm phân bố cơ sở đóng tàu.

Câu 12. Ý nghĩa chủ yếu của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đối với công nghiệp nước ta là gì?

A. Làm cho ngành công nghiệp hoạt động quanh năm.

B. Tạo các nguồn năng lượng tái tạo để sản xuất điện.

C. Cung cấp nguồn nước lớn cho thủy điện hoạt động.

D. Tạo thuận lợi cho các ngành công nghiệp khai thác.

Câu 13. Quốc lộ 1 bắt đầu và kết thúc ở hai tỉnh, thành phố nào sau đây?

A. Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

B. Lạng Sơn và Bà Rịa – Vũng Tàu.

C. Lạng Sơn và Cà Mau.

D. Hà Nội và Cà Mau.

Câu 14. Quốc lộ 1 đi qua các trung tâm công nghiệp lớn nào sau đây?

A. Hà Nội, Hải Phòng.

B. Hà Nội, Biên Hoà.

C. Hà Nội, Vũng Tàu.

D. Hà Nội, Quảng Ninh.

Câu 15. Nhận xét nào sau đây đúng với ngành bưu chính viễn thông?

A. Phát triển ổn định.

C. Ít biến động.

B. Phát triển rất nhanh.

D. Phát triển không ổn định

Câu 16. Loại hình giao thông có vai trò quan trọng nhất ở nước ta là loại hình nào?

A. Đường bộ.

B. Đường hàng không.

C. Đường sông.

D. Đường biển.

Câu 17. Giao thông đường thủy tập trung nhiều ở vùng nào?

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ và Đông Nam Bộ.

B. Đông Nam Bộ và Bắc Trung Bộ.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

D. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 18. Các nhân tố nào sau đây có ảnh hưởng chủ yếu đến quy mô của ngành dịch vụ nước ta?

A. Trình độ phát triển kinh tế và số dân.

B. Phân bố dân cư, quá trình đô thị hoá.

C. Truyền thống văn hoá, di tích lịch sử.

D. Cơ sở hạ tầng và khoa học công nghệ.

Câu 19. Các nhân tố nào sau đây có ảnh hưởng chủ yếu đến sự phân bố của ngành dịch vụ nước ta?

A. Trình độ phát triển kinh tế và số dân.

B. Phân bố dân cư, mạng lưới quần cư.

C. Truyền thống văn hoá, di tích lịch sử.

D. Cơ sở hạ tầng và khoa học công nghệ.

Câu 20. Xu hướng phát triển mới trong ngành nội thương nước ta là gì?

A. Phát triển xuất khẩu, nhập khẩu bền vững.

B. Đẩy mạnh khai thác những thị trường lớn.

C. Đa dạng hoá thị trường xuất và nhập khẩu.

D. Phát triển thương mại điện tử.

Câu 21. Ý phản ánh không đúng về xu hướng phát triển mới trong ngành ngoại thương nước ta?

A. phát triển xuất khẩu, nhập khẩu bền vững.

B. đẩy mạnh khai thác những thị trường lớn.

C. đa dạng hoá thị trường xuất và nhập khẩu

D. kết hợp hài hoà truyền thống với hiện đại.

Câu 22. Nhiều loại hình dịch vụ hiện đại ra đời ở nước ta chủ yếu do tác động của:

A. khoa học, công nghệ phát triển.

C. thị trường ngày càng mở rộng.

B. quy mô dân số ngày càng tăng.

D. quá trình đô thị hoá đầy mạnh.

Câu 23. So với khu vực Đông Bắc, khí hậu khu vực Tây Bắc có đặc điểm gì khác?

A. có một mùa đông ít lạnh hơn.

B. phân hoá rõ thành hai đai cao.

C. có mùa đông bắt đầu sớm hơn.

D. khởi đầu mùa mưa muộn hơn.

Câu 24. So với khu vực Tây Bắc, khí hậu khu vực Đông Bắc không có đặc điểm nào sau đây?

A. một mùa đông lạnh hơn nhiều.

B. phân hoá rõ rệt thành ba đai cao.

C. có mùa đông bắt đầu sớm hơn.

D. khởi đầu mùa mưa muộn hơn.

Câu 25. So với Đông Bắc, khu vực Tây Bắc có:

A. mùa đông lạnh và dài hơn.

B. tỉ lệ che phủ rừng cao hơn.

C. khoáng sản phong phú hơn.

D. trữ năng thủy điện lớn hơn.

Câu 26. So với Tây Bắc, khu vực Đông Bắc không có:

A. mùa đông lạnh và dài hơn.

B. tỉ lệ che phủ rừng cao hơn.

C. khoáng sản phong phú hơn.

D. trữ năng thủy điện lớn hơn.

Câu 27. Phát biểu nào sau đây không đúng về đường thủy nội địa ở nước ta?

A. Chủ yếu đầu tư vận chuyển hành khách, ít vận chuyển hàng hoá.

B. Tập trung ở Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.

- C. Một số cảng thủy nội địa là: Ninh Phúc, Sơn Tây, Tân Thành...
- D. Mạng lưới đường dây đặc, phát triển trên nhiều vùng khác nhau.
- Câu 28.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đường biển ở nước ta?
- A. Phát triển mạnh cùng với sự phát triển của hoạt động thương mại.
- B. Hình thành một số tuyến quốc tế đi đến Hồng Kông, Nhật Bản...
- C. Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong khối lượng vận chuyển của cả nước.
- D. Có các cảng biển quan trọng ở miền Bắc, miền Nam, miền Trung.

Bài 2. Câu trắc nghiệm đúng, sai

Câu 1. Đọc bảng số liệu sau và chọn *đúng* hoặc *sai* trong mỗi ý a,b,c,d.

“Một số tiêu chí chất lượng cuộc sống dân cư của vùng trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2010-2024”

Năm	2010	2021	2024
Thu nhập bình quân đầu người một tháng (Theo giá hiện hành, nghìn đồng)	905,0	2837,5	3759
Tỉ lệ hộ nghèo (%)	29,4	13,4	7,8

- a) Thu nhập bình quân đầu người một tháng của vùng trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2010 -2024 có xu hướng tăng liên tục.
- b) Tỉ lệ hộ nghèo ngày càng có xu hướng giảm liên tục và giảm 21%.
- c) Thu nhập bình quân đầu người tăng thể hiện chất lượng cuộc sống đang được cải thiện.
- d) Quá trình xây dựng nông thôn mới đã tác động tích cực đến chất lượng cuộc sống dân cư của vùng.

Câu 2. Đọc bảng số liệu sau và chọn *đúng* hoặc *sai* trong mỗi ý a,b,c,d.

“Một số tiêu chí chất lượng cuộc sống dân cư của vùng trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2010-2024”

Năm	2010	2021	2024
Thu nhập bình quân đầu người một tháng (Theo giá hiện hành, nghìn đồng)	905,0	2837,5	3759
Tuổi thọ trung bình (tuổi)	70	71,2	72,8

- a) Thu nhập bình quân đầu người một tháng của vùng có xu hướng tăng liên tục.
- b) Trình độ dân trí, công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân trong vùng còn nhiều hạn chế, nên tuổi thọ trung bình còn thấp.
- c) Tuổi thọ trung bình của dân cư ở vùng trung du miền núi phía Bắc đang có xu hướng tăng lên.
- d) Một số khu vực núi cao, biên giới đã đạt nhiều thành tựu lớn trong việc cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân.

Chúc các con ôn tập và làm bài kiểm tra đạt kết quả cao!